

Bản án số: 177/2018/DS-PT

Ngày: 08 - 10 - 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Trần Minh Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2018/QĐ-PT ngày 25/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Thúy P, sinh năm 1968, Có mặt

Cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Kiều Thị B, sinh năm 1969; Có mặt

2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1970, Có mặt

Cùng cư trú: Số 747, tổ 13, ấp Mỹ Phước, xã Đ, huyện C, An Giang.

Người đại diện hợp pháp cho ông Bùi Văn H: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1971, Có mặt

Cư trú: Số 137, tổ 8, ấp T, thị trấn L, huyện C, An Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Nguyên đơn bà Kiều Thúy P, trình bày:

Vào ngày 30/11/2016 âm lịch bà có cho bà B vay số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất 3%/ tháng, thỏa thuận trong vòng 02 tháng sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Ngày 30/10/2017 âm lịch, bà B cam kết trả nợ nhưng vẫn không thực hiện. Yêu cầu bà B và ông H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn 75.000.000 đồng, và lãi tính đến ngày 24/5/2018 là 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền ông H và bà B phải trả là 80.000.000 đồng.

+ Bị đơn bà Kiều Thị B, trình bày: Bà và ông H chung sống với nhau không nhớ ngày, tháng nhưng vào năm 1987, không đăng ký kết hôn. Bà có vay tiền của bà P nhiều lần. Đến nay còn nợ lại số tiền 75.000.000 đồng. Mục đích vay để mua bán vải, dùng trong sinh hoạt gia đình. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, có đóng lãi nhiều lần nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu, đóng lãi không có giấy tờ và cũng không có gì chứng minh. Đối với số tiền đóng lãi, bà cũng không yêu cầu khấu trừ lại. Đối với yêu cầu của bà P, bà đồng ý trả nhưng với hình thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Bùi Văn H trình bày: Việc vợ ông vay nợ ông không biết, vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Số tiền vay, vợ ông dùng để mua bán vải, có lời thì dùng trong sinh hoạt gia đình. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông đồng ý cùng vợ trả số tiền vay 75.000.000 đồng và lãi 5.000.000 đồng trong trường hợp vợ ông không có khả năng trả mỗi tháng 500.000 đồng thì ông đồng ý trả thay cho vợ ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn H, ông Nguyễn Thành V trình bày: Ông H không đồng ý với yêu cầu của bà P do ông H không hay biết việc bà B có vay tiền của bà P. Bà B vay tiền với tư cách cá nhân, lúc này ông H, bà B đã ly thân, có thỏa thuận ly hôn nhưng chưa ra tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà B trả cho bà Phượng số nợ trên.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thúy P.

Buộc bà Kiều Thị B và ông Bùi Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kiều Thúy P số tiền vốn 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi suất 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 29/6/2018, ông Bùi Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thúy P, buộc bà Kiều Thị B trả nợ cho bà P. Loại bỏ nghĩa vụ liên đới của ông H trong việc trả nợ cho bà P với số tiền 75.000.000đ tiền vốn và 5.000.000đ tiền lãi vì ông cho rằng ông

và bà B không còn chung sống với nhau từ năm 2016, việc bà B vay tiền ông hoàn toàn không hay biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Bác yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 71/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 26/6/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn Kiều Thúy P với bị đơn Kiều Thị B, Bùi Văn H theo bản án số 71/2018/DS-ST. Đến ngày 29/6/2018, bị đơn Bùi Văn H có đơn kháng cáo bản án. Xét về thời hạn kháng cáo, người có quyền kháng cáo đã đảm bảo theo đúng qui định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên thẩm quyền giải quyết phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Giữa nguyên đơn Kiều Thúy P và bị đơn Kiều Thị B thống nhất: Vào ngày 30/11/2016 (âm lịch), bà Kiều Thị B vay 75.000.000đồng của bà Kiều Thúy P nhưng không đóng lãi từ ngày 30/2/2017. Đến ngày 27/8/2017, bà B làm tờ cam kết sẽ thanh toán số nợ trên nhưng không thực hiện theo cam kết. Bản án sơ thẩm buộc bà B và ông H liên đới thanh toán cho bà P 80.000.000đồng (75.000.000đồng tiền vốn và 5.000.000đồng tiền lãi).

Ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm để loại trừ trách nhiệm liên đới cùng vợ là Kiều Thị B thanh toán khoản nợ vay cho nguyên đơn Kiều Thúy P vì ông cho rằng: Ông và bà B đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016, số tiền 75.000.000đồng bà B vay của bà P ông không hay biết.

Thấy rằng:

Ông H và bà B có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2002 tại Ủy ban Nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (Theo Trích lục kết hôn số 1046/TLKH – BS ngày 26/6/2008 của UBND xã Đ) nên được xem là vợ chồng. Mặc dù ông H khai rằng hai người không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay nhưng hai người vẫn chưa làm thủ tục ly hôn tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa ông H và bà B vẫn tồn tại.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/5/2018 (BL42) của Tòa án nhân dân huyện C ông H thừa nhận khoản tiền mà bà B vay của bà P được bà B sử dụng buôn bán vải để phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

Như vậy xác định số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà B vẫn tồn tại, mục đích của vay nợ để làm kinh tế gia đình nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Mặt khác, Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

.....

Do đó căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình đã viện dẫn trên, bản án sơ thẩm buộc ông H và bà B phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà P số nợ 75.000.000đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm 5.000.000đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không cung cấp được các chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Tòa cấp phúc thẩm nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H không được tòa án chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 26; Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thúy P.

- Buộc bà Kiều Thị B và ông Bùi Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Kiều Thúy P số tiền vốn 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tổng cộng 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Ông Bùi Văn H, bà Kiều Thị B phải chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Bà Kiều Thúy P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là: 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019205 ngày 07.02.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

II/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0019853 ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Văn phòng;
- Tòa dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Ngọc Linh